

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng GPMB thực hiện dự án đường ven biển tỉnh Bình Định, đoạn từ Cát Tiến - Diêm Vân**

***Đợt 64: Bồi thường, hỗ trợ về đất nông nghiệp, cây trồng, vật kiến trúc và di dời mồ mã của 18 hộ gia đình, cá nhân ảnh hưởng GPMB khu cải táng xã Phước Thuận và địa bàn xã Phước Thắng, xã Phước Sơn, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước; Điều chỉnh giảm giá trị bồi thường, hỗ trợ đất công ích và hoa màu của UBND xã Phước Thắng quản lý.***

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;*

*Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định và Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều quy định kèm theo Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh;*

*Căn cứ Quyết định số 65/2014/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (năm 2020-2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định;*

*Căn cứ Quyết định số 52/2022/QĐ-UBND ngày 17/8/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá nhà cửa, vật kiến trúc và mồ mã trên địa bàn tỉnh;*

*Căn cứ Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây cối, hoa màu khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;*

*Căn cứ Quyết định số 21/2023/QĐ-UBND ngày 14/5/2023 của UBND tỉnh Ban hành đơn giá nhà cửa, vật kiến trúc và mồ mã trên địa bàn tỉnh Bình Định năm 2023;*

Căn cứ Quyết định số 88/2020/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 của UBND tỉnh về việc Ban hành sửa đổi, bổ sung Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (năm 2020-2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 3728/QĐ-UBND ngày 08/9/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án Đường ven biển tỉnh Bình Định, đoạn Cát Tiến - Diêm Vân;

Theo đề nghị của Thường trực Hội đồng bồi thường GPMB dự án Đường ven biển tỉnh Bình Định, đoạn Cát Tiến - Diêm Vân tại Tờ trình số 1943/TTr-BQLGT ngày 25/7/2023 và Biên bản cuộc họp ngày 21/7/2023.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ về đất nông nghiệp, cây trồng, vật kiến trúc và di dời mồ mã của 18 hộ gia đình, cá nhân ảnh hưởng GPMB khu cải táng xã Phước Thuận và địa bàn các xã: Phước Thắng, Phước Sơn, Phước Thuận, huyện Tuy Phước; điều chỉnh giảm giá trị bồi thường, hỗ trợ đất công ích và hoa màu của UBND xã Phước Thắng quản lý thuộc dự án Đường ven biển tỉnh Bình Định, đoạn Cát Tiến - Diêm Vân, với nội dung chính như sau:

**1.** Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất nông nghiệp, cây trồng, vật kiến trúc và di dời mồ mã của 18 hộ gia đình, cá nhân ảnh hưởng GPMB khu cải táng xã Phước Thuận và địa bàn các xã: Phước Thắng, Phước Sơn, Phước Thuận, huyện Tuy Phước; chi phí phục vụ công tác GPMB (2%) và chi phí dự phòng cưỡng chế là: **299.017.000 đồng** (Hai trăm chín mươi chín triệu, không trăm mười bảy ngàn đồng). Trong đó:

a. Chi phí bồi thường, hỗ trợ:	293.154.000 đồng;
+ Hỗ trợ về đất:	137.019.000 đồng;
+ Bồi thường, hỗ trợ cây cối, hoa màu:	25.402.000 đồng;
+ Bồi thường, hỗ trợ vật kiến trúc:	118.233.000 đồng;
+ Bồi thường, hỗ trợ di chuyển mộ:	12.500.000 đồng;
b. Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%):	5.863.000 đồng.


**2. Nguồn vốn chi trả:** Từ nguồn chi phí bồi thường, GPMB của dự án nêu trên.

**3.** Tổng kinh phí điều chỉnh giảm giá trị bồi thường, hỗ trợ cho đất công ích và hoa màu của UBND xã Phước Thắng quản lý là: **107.984.000 đồng**.


(Kèm theo Phụ lục 1, 2 và Phương án chi tiết theo Tờ trình số 1943/TTr-BQLGT ngày 25/7/2023 của Thường trực Hội đồng bồi thường GPMB dự án Đường ven biển tỉnh Bình Định, đoạn Cát Tiến - Diêm Vân).

**Điều 2.** Ban QLDA Giao thông tỉnh chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này theo đúng quy định hiện hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Giám đốc Ban QLDA

Giao thông tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Tuy Phước, các cá nhân, tổ chức và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. / 

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Nguyễn Tự Công Hoàng;
- PVP TD;
- Lưu: VT, K19. 



**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

  
**Nguyễn Tự Công Hoàng**

**PHỤ LỤC 1**  
**BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ**  
**Dự án: Đường ven biển tỉnh Bình Định, đoạn Cát Tiến - Diêm Vân**

**Đợt 64: Bồi thường, hỗ trợ về đất nông nghiệp, cây trồng, vật kiến trúc và di dời mồ mã của 18 hộ gia đình, cá nhân ảnh hưởng GPMB**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Đo đạc phục vụ dự án năm 2021, 2023						Số lượng mồ mã (mộ)	Thành tiền (Đồng)				Tổng tiền (đồng)
			Thửa đất	Tờ bản đồ	Diện tích (m2)	DT thu hồi đất (m2)	DT mượn tạm (m2)	DT còn lại (m2)		Bồi thường, hỗ trợ về đất	Bồi thường, hỗ trợ về VKT	Bồi thường cây trồng	Bồi thường, hỗ trợ di chuyển mộ	
<b>I</b>	<b>Khu cải táng xã Phước Thuận (05 hộ)</b>													<b>54.437.000</b>
1	Châu Văn Phước	Thôn Liêm Thuận, xã Phước Thuận	14	1	856,9	197,6		659,3		5.650.000		-1.086.000		4.564.000
2	Châu Văn Bính	Thôn Liêm Thuận, xã Phước Thuận	3	1	391,8	183,8		208	20.669.000		-517.000			20.152.000
			25		319	319	0							
			26		222,4	49,7	172,7							
			30		441,7	441,7	0							
3	Nguyễn Bá Tùng	Thôn Liêm Thuận, xã Phước Thuận	22	1	363,6	363,6		0		7.559.000		-403.000		7.156.000
4	Trương Đình Trần	Thôn Liêm Thuận, xã Phước Thuận	27	1	233,6	122,6		111	4.466.000		-1.897.000			2.569.000
			34		1.095,9	92,2	1.003,7							
5	Châu Thị Lan	Thôn Liêm Thuận, xã Phước Thuận	15	1	455,5	455,5		0	19.869.000		127.000			19.996.000
			18		275,5	275,5	0							
			33		911	224,7	686,3							
<b>II</b>	<b>Địa bàn xã Phước Thắng (08 hộ canh tác trên đất công ích UBND xã quản lý)</b>													<b>107.984.000</b>

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Đo đạc phục vụ dự án năm 2021, 2023						Số lượng mô mã (m <sup>2</sup> )	Thành tiền (Đồng)				Tổng tiền (đồng)
			Thửa đất	Tờ bản đồ	Diện tích (m <sup>2</sup> )	DT thu hồi đất (m <sup>2</sup> )	DT mượn tạm (m <sup>2</sup> )	DT còn lại (m <sup>2</sup> )		Bồi thường, hỗ trợ về đất	Bồi thường, hỗ trợ về VKT	Bồi thường cây trồng	Bồi thường, hỗ trợ di chuyển mộ	
6	Trần Thị Hoa - Nguyễn Văn Thịnh	Thôn An Lợi, xã Phước Thắng	17	10	1.347	517,0	446,4	383,3		11.601.000		4.336.000		15.937.000
7	Nguyễn Thị Hường	Thôn An Lợi, xã Phước Thắng	22	10	943,1	327,3	336,2	279,6		7.345.000		2.986.000		10.331.000
8	Nguyễn Thị Vân	Thôn An Lợi, xã Phước Thắng	23	10	489,1	175,9	180,9	132,3		3.947.000		1.606.000		5.553.000
9	Nguyễn Văn Sáu	Thôn An Lợi, xã Phước Thắng	24	10	1.339,0	484,3	491,6	363,1		10.868.000		4.391.000		15.259.000
10	Lê Thị Hồng Phúc	Thôn An Lợi, xã Phước Thắng	57	10	1.222,6	384,8	229,9	607,9		8.635.000		2.767.000		11.402.000
11	Phạm Thị Vào	Thôn An Lợi, xã Phước Thắng	58	10	969,1	283,8	156,5	528,8		6.368.000		1.981.000		8.349.000
12	Nguyễn Thị Bích Hoa	Thôn An Lợi, xã Phước Thắng	251	10	1.063,6	344,4	278,2	441,0		7.728.000		2.802.000		10.530.000
13	Nguyễn Văn Thịnh	Thôn An Lợi, xã Phước Thắng	85	10	2.279,4	994,4	852,0	433,0		22.314.000		8.309.000		30.623.000
<b>III</b>	<b>Các hộ ảnh hưởng mô mã địa bàn xã Phước Thuận (02 hộ - bổ sung)</b>													<b>12.500.000</b>
14	Lê Thị Thanh; Con ĐĐKK: Trần Văn Chín	Thôn Lộc Hạ, xã Phước Thuận	355	5					2				5.000.000	5.000.000
15	Huỳnh Thị Huệ	Thôn Lộc Hạ, xã Phước Thuận	635	5					3				7.500.000	7.500.000
<b>IV</b>	<b>Các hộ gia đình, cá nhân ở xã Phước Sơn - bổ sung móng nhà (03 hộ)</b>													<b>118.233.000</b>
16	Trần Thành Chương, Mai Thị Ngọc Thảo	Thôn Lộc Thượng, xã Phước Sơn	470	15							27.837.000			27.837.000

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Đo đạc phục vụ dự án năm 2021, 2023						Số lượng mô mã (m <sup>2</sup> )	Thành tiền (Đồng)				Tổng tiền (đồng)
			Thửa đất	Tờ bản đồ	Diện tích (m <sup>2</sup> )	DT thu hồi đất (m <sup>2</sup> )	DT mượn tạm (m <sup>2</sup> )	DT còn lại (m <sup>2</sup> )		Bồi thường, hỗ trợ về đất	Bồi thường, hỗ trợ về VKT	Bồi thường cây trồng	Bồi thường, hỗ trợ di chuyển mộ	
17	Trần Thanh Hải, Võ Thị Bích Nga	Thôn Lộc Thượng, xã Phước Sơn	472	15							45.935.000			45.935.000
18	Hồ Thị Thanh Nga	Thôn Lộc Thượng, xã Phước Sơn	469	15							44.461.000			44.461.000
<b>V</b>	<b>Tổng cộng (làm tròn) I+II+III+IV:</b>				<b>15.219,5</b>	<b>6.237,8</b>	<b>2.971,7</b>	<b>6.010</b>	<b>5</b>	<b>137.019.000</b>	<b>118.233.000</b>	<b>25.402.000</b>	<b>12.500.000</b>	<b>293.154.000</b>
<b>VI</b>	<b>Chi phí phục vụ công tác GPMB (V*2%):</b>													<b>5.863.000</b>
<b>VII</b>	<b>Tổng (V+VI):</b>													<b>299.017.000</b>

**PHỤ LỤC 2**  
**BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ**  
**Dự án: Đường ven biển tỉnh Bình Định, đoạn Cát Tiến - Diêm Vân**

**Đợt 64: Điều chỉnh giảm giá trị bồi thường, hỗ trợ đất công ích và hoa màu của UBND xã Phước Thắng quản lý.**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

Họ và tên	Địa chỉ	Đo đạc phục vụ dự án năm 2021						Thành tiền (Đồng)		Tổng tiền (đồng)
		Thửa đất	Tờ bản đồ	Diện tích (m2)	DT thu hồi đất (m2)	DT mượn tạm (m2)	DT còn lại (m2)	Hỗ trợ về đất	Bồi thường cây trồng	
UBND xã Phước Thắng (01 tổ chức)	Thôn Tư Cung, xã Phước Thắng	17	10	1.346,7	517,0	446,4	383,3	78.807.000	29.177.000	107.984.000
		22	10	943,1	327,3	336,2	279,6			
		23	10	489,1	175,9	180,9	132,3			
		24	10	1.339,0	484,3	491,6	363,1			
		57	10	1.222,6	384,8	229,9	607,9			
		58	10	969,1	283,8	156,5	528,8			
		85	10	2.279,4	994,4	852	433			
		251	10	1.063,6	344,4	278,2	441,0			
<b>Tổng giá trị điều chỉnh giảm:</b>				<b>9.652,6</b>	<b>3.511,9</b>	<b>2.971,7</b>	<b>3.169</b>	<b>78.807.000</b>	<b>29.177.000</b>	<b>107.984.000</b>
<b>Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%):</b>										<b>2.159.000</b>
<b>Tổng cộng</b>										<b>110.143.000</b>